

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST

Ngày 28/7/2023

V/v: Tranh chấp hợp vay tài sản và
tranh chấp hợp mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiều Hmők và bà Nguyễn Thị Q Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2023, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2022/TLST- DS ngày 19/12/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-DS ngày 19/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lại Thị Mỹ H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là: Bà Hà Thị Diên H, sinh năm 1989, có mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Chị Nguyễn Lê Q, sinh năm 2002, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là bà Hà Thị Diên H trình bày có nội dung như sau: Bà H làm nghề buôn bán hàng tạp hóa, chị Q ở trọ gần đó nên thường xuyên qua lại mua hàng. Từ đầu tháng 7/2022 đến ngày 05/9/2022 chị Q đã nhiều lần vay tiền và mua hàng nợ của bà H số tiền cụ thể:

- Lần 1 ngày 08/7/2022 chị Q mua hàng tạp hóa gồm bánh kẹo, thuốc lá, dầu ăn bột ngọt ... nợ của bà H 6.000.000 đồng, chị Q hẹn ngày mai sẽ trả nhưng đến nay vẫn không trả.

- Lần 2 ngày 18/7/2022 Q vay của bà H số tiền 12.000.000 đồng. Hẹn ngày 19/7/2022 trả, nhưng đến nay chưa trả.

- Lần 3 ngày 01/8/2022 Q vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng. Hẹn đến chiều cùng ngày trả, nhưng đến nay vẫn chưa trả.

- Lần 4 ngày 12/8/2022 Q mua thẻ card điện thoại của bà H số tiền 7.000.000 đồng. Bà H hỏi số tiền còn nợ nhưng chị Q hẹn chiều cùng ngày sẽ trả và đến nay vẫn chưa trả.

- Lần 5 ngày 18/8/2022 Q mua thẻ card điện thoại của bà H số tiền 18.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà H.

- Lần 6 ngày 24/8/2022 Q mua thẻ card điện thoại của bà H số tiền 16.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà H.

- Lần 7 ngày 28/8/2022 Q mua thẻ card điện thoại của bà H số tiền 16.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà H.

- Lần 8 ngày 30/8/2022 Q mua thẻ card điện thoại của bà H số tiền 5.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà H.

- Lần 9 ngày 05/9/2022 Q mua thẻ card điện thoại của bà H số tiền 16.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà H.

Cũng chiều ngày 05/9/2022 Q ra tại trụ sở Ngân hàng S, địa chỉ đường L, thành phố B, Q tự ý lấy tài khoản ngân hàng của bà H chuyển qua tài khoản mẹ Q tên Nguyễn Thị Q số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó chị Q quay lại có trả cho bà H số tiền 16.000.000 đồng vào chiều ngày 05/9/2022, nhưng đến ngày 06/9/2022 chị Q mượn bà H số tiền 16.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2022 bà H có hỏi chị Q về số tiền nợ và số tiền 30.000.000 đồng chuyển khoản nhằm thì chị Q nói đã chuyển tiền trả nợ cho bà H qua tài khoản Ngân hàng S bằng 2 tài khoản ngân hàng của chị Q, cụ thể chị Q nói: Tài khoản ngân hàng S của chị Q chuyển trả cho bà H 73.000.000 đồng; Tài khoản ngân hàng Q của chị Q chuyển trả cho bà H 89.000.000 đồng, nhưng bà H vẫn không nhận được tiền nên chị Q giải thích là do ngân hàng đang bảo trì và tự viết giấy thỏa thuận nhận nợ.

Như vậy chị Q nợ bà H số tiền 146.000.000 đồng, bà H yêu cầu chị Q trả số tiền 146.000.000 đồng và tiền lãi 2.000.000 đồng. Tổng số tiền là 148.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu không yêu cầu bị đơn phải trả 2.000.000 đồng tiền lãi suất.

Bị đơn chị Nguyễn Lê Q trình bày có nội dung: Chị và bà H quen biết nhau, chị nhiều lần mua hàng hóa của bà H, chị thừa nhận có nợ bà H số tiền là 33.000.000 đồng (Trong đó 32.000.000 đồng vay của bà H và 1.000.000 đồng mua nhu yếu phẩm). Theo đơn khởi kiện của bà H, bà H yêu cầu trả các khoản vay và số tiền 30.000.000 đồng chuyển khoản vào ngày 05/9/2022 cho mẹ chị Q là bà Nguyễn Thị Q thì chị không đồng ý vì đã trả tiền cho bà H.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Q phải trả cho bà H số tiền 33.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 04/11/2022 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; 14/11/2022 Tòa án ban hành thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; ngày 15/12/2022 nguyên đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện nên Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và nguyên đơn nộp tạm ứng án phí, ngày 19/12/2022 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Nguyễn Lê Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Nguyên đơn bà Lại Thị Mỹ H yêu cầu chị Nguyễn Lê Q trả số tiền 146.000.000 đồng trong đó gồm [tiền vay là 62.000.000 đồng (tiền vay 32.000.000 đồng, tiền chị Q chuyển từ thẻ ATM của bà H sang tài khoản mẹ chị Q là 30.000.000 đồng), tiền mua nhu yếu phẩm, thẻ card điện thoại là 84.000.000 đồng], không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử, xét thấy ngày 06/9/2022 chị Q có viết giấy thỏa thuận về việc chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của chị Q để trả cho bà H số tiền 146.000.000 đồng là số tiền mà chị Q chưa thanh toán cho bà H. Tuy nhiên đến nay không có tài liệu chứng cứ bà H nhận được số tiền do chị Q chuyển khoản và chị Q cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ đã trả nợ cho bà H do đó chị Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và bên mua hàng hóa. Chị Q cho rằng chỉ nợ bà H số tiền 33.000.000 đồng nhưng không cung cấp tài liệu nào để chứng minh việc chị Q đã trả nợ cho bà H nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Lê Q phải trả cho bà Lại Thị Mỹ H số tiền là 146.000.000 đồng là phù hợp Điều 430, khoản 1 Điều 440, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

[5] Xét quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp với tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.700.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018334 ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn chị Q phải chịu 7.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là $[146.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.300.000 \text{ đồng}]$ là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 430, khoản 1 Điều 440, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị Mỹ H.

Buộc chị Nguyễn Lê Q phải trả cho bà Lại Thị Mỹ H tổng số tiền là 146.000.000 đồng. Trong đó gồm [tiền vay là 62.000.000 đồng, tiền mua nhu yếu phẩm, thẻ card điện thoại là 84.000.000 đồng].

Về lãi suất nguyên đơn bà Lại Thị Mỹ H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Nguyên đơn bà Lại Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lại Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.700.000

đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018334 ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn chị Nguyễn Lê Q phải chịu 7.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Anh